



DOI:10.22144/ctujos.2026.138

## PHRA MAE THORANI: HÌNH TƯỢNG MẸ ĐẤT THIÊNG LIÊNG (TERRA MATER) TRONG TÍN NGƯỠNG NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Bùi Vũ Khang\* và Trần Kỳ Đồng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): 2456220017@hcmussh.edu.vn

### Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 08/08/2025

Sửa bài (Revised): 04/09/2025

Duyệt đăng (Accepted): 22/04/2026

**Title:** Phra Mae Thorani: Symbol of sacred Mother Earth (Terra Mater) in the beliefs of the Khmer people in southern Vietnam

**Author(s):** Bui Vu Khang\* and Tran Ky Dong

**Affiliation(s):** University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Viet Nam

### TÓM TẮT

Biểu tượng Phra Mae Thorani - Nữ thần Đất trong Phật giáo Theravāda - như một biểu tượng đặc thù của “Mẹ Đất thiêng liêng” (Terra Mater) trong tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ. Phra Mae Thorani là kết quả của sự tiếp biến văn hóa phù hợp với ký ức của chế độ mẫu hệ và tín ngưỡng thờ nữ thần của người Khmer Nam Bộ. Nghiên cứu được thực hiện nhằm khẳng định vai trò của Phra Mae Thorani đã vượt ra ngoài hình mẫu Terra Mater truyền thống, không chỉ giới hạn trong chu kỳ sinh dưỡng tự nhiên mà còn là nhân chứng đạo đức, là nền tảng cho tiến trình giải thoát trong Phật giáo Theravāda. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra sự chuyển hóa biểu tượng học phản ánh tiến trình nữ quyền hóa tôn giáo trong văn hóa Khmer Nam Bộ. Đồng thời, kết quả bài báo này tạo tiền đề cho việc thực hiện các nghiên cứu tiếp theo về cấu trúc biểu tượng nữ tính thiêng trong các tôn giáo bản địa và Phật giáo bản địa hóa ở các nước Đông Nam Á.

**Từ khóa:** Mẹ Đất, người Khmer, Phật giáo Theravāda, Phra Mae Thorani, Terra Mater, tín ngưỡng bản địa

### ABSTRACT

The symbol of Phra Mae Thorani - Goddess of Earth in Theravāda Buddhism - is a specific symbol of the "sacred Mother Earth" (Terra Mater) in the beliefs of the Southern Khmer people. Phra Mae Thorani is the result of cultural acculturation in accordance with the memory of the matriarchal system and the goddess worship of the Southern Khmer people. The authors affirm that the role of Phra Mae Thorani has gone beyond the traditional Terra Mater model, not only limited to the natural life cycle but also as a moral witness, the foundation for the process of liberation in Theravāda Buddhism. The authors also point out the transformation of symbolism reflecting the process of religious feminization in the Southern Khmer culture. The article creates a premise for further studies on the structure of sacred feminine symbols in indigenous religions and localized Buddhism in Southeast Asian countries.

**Keywords:** Indigenous beliefs, Khmer people, Mother Earth, Phra Mae Thorani, Terra Mater, Theravāda Buddhism

## 1. GIỚI THIỆU

Trong văn hóa Đông Nam Á, có nhiều biểu tượng gắn với tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, trong đó Phra Mae Thorani - Nữ thần Đất trong Phật giáo Theravāda - là một biểu tượng đặc thù. Đối với cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ, hình ảnh Phra Mae Thorani không chỉ là một nhân vật phụ trong truyện kể Phật giáo, mà còn là biểu tượng của Mẹ Đất - hiện thân của thiên nhiên, sự sống và sự bảo vệ thiêng liêng. Qua biểu tượng này, người Khmer thể hiện niềm tin rằng Đất không chỉ là nơi con người sinh sống mà còn là một thực thể sống có linh hồn, gắn liền với các nghi lễ, niềm tin và sự sinh sôi.

Nhưng từ đây vấn đề đã được đặt ra là: Vì sao Phra Mae Thorani lại có vai trò quan trọng trong tín ngưỡng của người Khmer? Biểu tượng này đã được người Khmer "bản địa hóa" như thế nào để vừa mang yếu tố Phật giáo, vừa mang yếu tố tín ngưỡng dân gian?

Việc trả lời những câu hỏi trên đây sẽ giúp khám phá được ý nghĩa sâu xa của biểu tượng này trong cách người Khmer nhìn nhận mối quan hệ giữa con người, thiên nhiên và thế giới tâm linh.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết thuộc loại hình nghiên cứu định tính, kết hợp với việc phân tích biểu tượng học, với khung lý thuyết tiếp cận liên ngành: Tôn giáo học, Văn hóa học, Nhân học biểu tượng, Lịch sử tôn giáo. Mục đích của tác giả là làm rõ ý nghĩa biểu tượng của hình tượng Phra Mae Thorani (Mẹ Đất thiêng liêng) trong văn hóa Khmer Nam Bộ, thông qua việc phân tích kinh sách, khảo sát kiến trúc - nghệ thuật chùa Khmer và nhận thức - thực hành của cộng đồng.

Đối tượng nghiên cứu: Hình tượng Phra Mae Thorani trong văn hóa Phật giáo Khmer Nam Bộ (tranh vẽ, phù điêu, tượng thờ, văn bản tôn giáo, tín ngưỡng dân gian). Phương pháp nghiên cứu liên văn bản đã được vận dụng từ sự thu thập các nguồn tư liệu: Tam Tạng Pali, các bản chú giải (Atthakatha), các công trình nghiên cứu đã xuất bản về Phật giáo Theravāda và văn hóa Khmer có ghi nhận hình tượng Phra Mae Thorani trong kiến trúc và nghệ thuật chùa Khmer (tranh vẽ, điêu khắc, hoa văn) cùng với sự thực hiện phỏng vấn sư sãi và Phật tử Khmer về nhận thức, niềm tin, thực hành liên quan đến Phra Mae Thorani ở một số chùa tiêu biểu.

Phương pháp nghiên cứu: Việc quan sát tham dự, trực tiếp sống cùng cộng đồng, tham gia sinh hoạt hàng ngày và các nghi lễ địa phương đã được thực hiện để nắm bắt thực hành từ góc nhìn người

trong cuộc. Bên cạnh đó, cuộc phỏng vấn sư sãi và Phật tử Khmer về nhận thức, niềm tin, thực hành liên quan đến Phra Mae Thorani đã được tiến hành ở một số chùa tiêu biểu ở địa phận tỉnh An Giang như chùa Xà Tôn, chùa Krăng Króch, chùa Phnom Pi Krom, chùa Tà Teng và chùa Trà Phọt. Việc lựa chọn các cơ sở tôn giáo này làm địa điểm khảo sát xuất phát từ giá trị lịch sử lâu đời, không chỉ lưu giữ ký ức truyền thống của cộng đồng Khmer về hình tượng Phra Mae Thorani mà còn phản ánh rõ nét sự giao thoa giữa Phật giáo Theravāda với tín ngưỡng dân gian và các dòng chảy văn hóa - tôn giáo khác. Các ghi chép điền dã được phân tích theo phương pháp chủ đề (thematic analysis). Trong suốt quá trình, tác giả duy trì thái độ phản tư để nhận diện ảnh hưởng của vị trí nghiên cứu đến diễn giải.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Terra Mater: Biểu tượng Mẹ Đất thiêng liêng trong tôn giáo qua lăng kính của Mircea Eliade

Trong nhiều nền văn hóa cổ đại, hình tượng “Đất Mẹ” là một biểu tượng thiêng liêng phản ánh mối liên hệ gắn bó giữa con người với thiên nhiên, sinh tồn và vũ trụ. Tại Hy Lạp cổ đại, nữ thần Gaia được tôn kính như cội nguồn sinh thành vạn vật, được xem là “tổ mẫu” của loài người. Tương tự, trong truyền thống Vệ Đà, Prithvi hiện thân cho người mẹ hiền bảo hộ, nuôi dưỡng muôn loài, biểu tượng cho tính phồn thực và sự bền vững của vũ trụ. Ở châu Mỹ bản địa, Pachamama của người Inca biểu đạt Đất như một thực thể thiêng liêng với ba quyền năng: bảo hộ (chủ trì mùa màng), sáng tạo (cung cấp nguồn sống) và hủy diệt (trừng phạt bằng thiên tai).

Những hình ảnh biểu tượng đó không đơn thuần là sản phẩm tín ngưỡng, mà còn hàm chứa một cơ cấu vũ trụ luận nơi đất được nhìn nhận như một thực tại linh thiêng, vượt khỏi phạm trù vật chất. Từ đó, Mircea Eliade phát triển lý thuyết về Mẹ Đất thiêng liêng (Terra Mater) như một mô hình biểu tượng vũ trụ trong tâm thức tôn giáo nguyên thủy (Eliade, 1957).

Mircea Eliade đã phân tích sâu sắc cấu trúc biểu tượng xoay quanh hình tượng Terra Mater như một thực thể nguyên sơ và phổ quát. Theo ông, hình ảnh này là một trong những biểu tượng nền tảng nhất của trải nghiệm tôn giáo nhân loại, mang tính thiêng liêng sâu sắc, phản ánh một thế giới quan mà thiên nhiên và con người cùng hòa nhập.

### 3.1.1. Mẹ Đất - nơi cư mang và bảo bọc con người

Hình tượng Mẹ Đất (Terra Mater) là một mô-típ tôn giáo cổ xưa và phổ quát, xuất hiện trong nhiều nền văn hóa từ xưa đến nay, như một biểu tượng của khả năng sinh sản, tái tạo và bảo hộ sự sống. Theo Mircea Eliade, đất không chỉ đơn thuần là chất liệu vật lý hay không gian cư trú, mà là một thực thể linh thiêng, sống động - một người mẹ vũ trụ, nuôi dưỡng mọi sinh linh bằng chính thân thể và tinh thần của mình. Với cái nhìn đó, con người nguyên thủy không sống bên ngoài đất, mà sống trong đất, như sống trong lòng mẹ - gắn bó và tôn kính một cách bản thể.

Để minh họa cho quan điểm này, Eliade đã dẫn lời nhà tiên tri da đỏ Smohalla - người kiên quyết từ chối canh tác theo lối phương Tây vì cho rằng điều đó xúc phạm Mẹ Đất: “*Các người yêu cầu ta cấy đất ư? Làm sao ta có thể cầm một con dao đâm vào ngực mẹ ta được?... Các người yêu cầu ta cắt cỏ để đem bán, để làm giàu như người da trắng ư? Làm sao ta lại có thể cắt mất mái tóc của mẹ ta được?*” (Smohalla, trích dẫn bởi Eliade, 1957, p.138). Những lời ấy như một bản kinh thiêng của đạo lý bản thể: Đất không phải là một tài nguyên để khai thác, mà là một người mẹ linh thiêng để yêu kính và gìn giữ.

Cảm thức này không chỉ thể hiện đạo đức sinh thái, mà còn phản ánh chiều sâu tôn giáo - triết học: mối quan hệ giữa con người và đất là mối quan hệ bản thể học. Con người không chỉ sống trên đất mà còn thuộc về đất.

### 3.1.2. Mẹ Đất như biểu tượng trung tâm của chu kỳ sinh - tử

Trong nhiều nền văn hóa cổ đại, sinh linh được tin là sinh ra từ đất và trở về đất khi chết - một vòng tròn thiêng khép kín. Với tư cách là cội nguồn sản sinh và chôn trở về, Mẹ Đất hiện diện như một hình ảnh toàn năng - nơi sự sống khởi đầu và cũng là nơi sự chết tìm thấy sự an trú cuối cùng.

Một trong những nghi lễ tiêu biểu thể hiện niềm tin này là “*Humi positio*” - nghi thức đặt trẻ sơ sinh xuống đất, phổ biến trong nhiều xã hội cổ đại. Hành vi ấy là một cử chỉ nghi lễ nguyên mẫu, tượng trưng cho việc trao phó sinh mệnh cho Mẹ Đất. Qua tiếp xúc thiêng liêng ấy, sự sống mới được chấp nhận và dẫn dắt. Trong giây phút ấy, người mẹ không chỉ sinh con, mà còn tái hiện hành động tạo sinh của Mẹ Đất ở cấp độ con người. Ngược lại, khi con người lia đời hoặc mang trọng tội, họ cũng được (hoặc bị) trả lại cho đất. Đây không chỉ là nghi thức tang lễ,

mà còn là một hành vi tượng trưng sâu sắc: sự khép lại vòng đời để chuẩn bị cho một chu kỳ tái sinh. Trong các kinh điển Vệ Đà có những câu: “*Người chính là đất, ta đặt người vào đất*”, hay “*Hãy trườn về đất, Mẹ của người!*” (Eliade, 1957, p.141). Đó là sự quy hồi, một hành vi của lòng tin rằng chết không phải là hết, mà là trở lại với nơi khởi nguyên. Văn hóa La Mã cổ đại cũng mang cảm thức này. Nhiều bia mộ khắc dòng chữ “*hic natus hic situs est*” (sinh ở đâu, chôn ở đó), như một cách khẳng định bản nguyên đất đai của con người - không chỉ là địa lý, mà là bản thể.

Tất cả các nghi lễ, biểu tượng và huyền thoại ấy đều quy về một chân lý: Mẹ Đất không chỉ nâng đỡ sự sống, mà còn gìn giữ cái chết - người mẹ nguyên thủy ôm trọn cả khởi nguyên lẫn hồi kết.

### 3.1.3. Mẹ Đất như biểu tượng thiêng liêng của sự phồn thực nữ tính

Tính sinh sản của người phụ nữ được hình dung như một biến thể ở cấp độ con người, phản ánh khả năng sinh sản vũ trụ của Mẹ Đất. Nhiều huyền thoại cho thấy Mẹ Đất có thể tự sinh ra sự sống, như trong thần thoại Hy Lạp, Gaia sinh ra Uranus mà không cần sự kết hợp với nam giới. Hình tượng này biểu thị tính tự thân, quyền năng tối thượng và khả năng sinh sản độc lập của đất.

Trong các xã hội mẫu hệ, phụ nữ không chỉ là người chủ đất mà còn được xem là những người khai sinh nền nông nghiệp. Vai trò của họ gắn liền với việc gìn giữ mùa màng và tham gia vào các nghi lễ liên quan đến sinh trưởng và tái sinh. Điều này phản ánh một cấu trúc biểu tượng sâu sắc, trong đó nữ tính và đất mẹ được đồng nhất như hai biểu hiện của cùng một nguyên lý tạo sinh.

Khả năng sinh nở, nuôi dưỡng của phụ nữ tượng trưng cho sức sống và năng lực tái tạo - những phẩm chất cốt lõi của Mẹ Đất, nguồn mạch của sự sống và thịnh vượng. Chính vì vậy, phụ nữ trở thành biểu tượng sống động của sự phồn thực, là cầu nối giữa con người và vũ trụ. Hình ảnh phụ nữ gắn bó với đất đai thể hiện sự hòa hợp bản thể giữa nhân loại và thế giới thiêng liêng - nơi tính sinh sản mang ý nghĩa linh thiêng trong đời sống xã hội và tôn giáo.

### 3.1.4. Đất Mẹ như một chủ thể trong hôn phối của vũ trụ sơ nguyên

Trong nhiều hệ thống tôn giáo cổ đại, khởi nguyên của vũ trụ được xem là kết quả của một hành vi thần linh: “*Hôn nhân thần thánh*” (Hierogamy) giữa Trời và Đất. Đây không đơn thuần là một ẩn dụ, mà là mô hình vũ trụ luận có khả năng khuôn định các cấu trúc xã hội và nghi lễ. Trong

*Brhadāranyaka Upanishad*, một trong những kinh văn cổ xưa và nền tảng nhất của Ấn Độ giáo, người chồng tuyên bố với vợ mình: “*Ta là Trời, còn người là Đất*” (Eliade, 1957, p.145-147). Lời khẳng định đó không chỉ thể hiện một quan hệ giới, mà còn khẳng định mỗi cuộc hôn nhân là sự mô phỏng thiêng liêng của kết hợp sáng thế đầu tiên.

Ý niệm này lan tỏa mạnh mẽ vào tín ngưỡng dân gian, đặc biệt trong những nghi lễ nông nghiệp. Ở đó, đất được hình dung như một nữ thể vĩ đại cần được làm phì nhiêu bằng năng lượng sinh sản từ Trời, biểu trưng qua mưa, ánh sáng,... Sự hợp nhất giữa hai nguyên lý được tái hiện trong các lễ hội hoan lạc đầu xuân. Những nghi thức tính dục tập thể từng được phổ biến trong nhiều nền văn hóa cổ, những nghi thức này không bị xem là phản đạo đức, mà được nhìn như hành vi linh thiêng phục hồi sinh lực cho đất đai, là cách “*làm mới*” thế giới - một nghi lễ vũ trụ nhằm mô phỏng hành vi sáng tạo ban đầu.

Sự hoan lạc ấy là một sự thoái lui có chủ đích về trạng thái tiền sáng thế - khi trật tự chưa định hình, các phân biệt chưa phát sinh. Con người tái hiện hành vi của thần linh không chỉ nói lại mạch lịch sử linh thiêng, mà còn kích hoạt chu trình mới: mùa màng được làm mới, xã hội được thanh tẩy, sự sống được khởi sinh.

Hôn nhân, tính dục, đất đai và chu kỳ mùa vụ, tất cả quy tụ trong một trật tự thiêng, nơi người phụ nữ - hiện thân của đất - giữ vị trí trung tâm trong

### 3.2. Đất: nền tảng thiêng trong tín ngưỡng - văn hóa Khmer

Trong không gian Đông Nam Á lục địa, người Khmer là một trong những cộng đồng sớm phát triển nền văn minh nông nghiệp lúa nước, gắn bó chặt chẽ với chu kỳ tự nhiên, đặc biệt là yếu tố đất đai. Đối với họ, đất không chỉ là nơi sinh tồn, mà còn mang ý nghĩa thiêng liêng, gắn liền với hệ thống tín ngưỡng và vũ trụ quan. Đất được nhìn như một thực thể sống động, năng động, duy trì mối liên hệ hữu cơ với cộng đồng con người. Trong các nguồn cổ thư của Trung Quốc khi viết về quốc gia của người Khmer (Phù Nam, Chân Lạp) đều ghi nhận đây là những vùng đất nhiều lam chướng, người Khmer phải dâng cúng lễ vật lên Thần núi để cầu mong vụ mùa thuận lợi, ngũ cốc tốt tươi. Như trong *Tùy thư* có chép:

“*Mỗi khi đến tháng Năm, tháng Sáu, độc khí lan tràn, người ta bèn đem lợn trắng, trâu trắng, dê trắng ra ngoài công thành phía tây cúng tế. Nếu không, thì ngũ cốc sẽ thất bát, lục súc hay chết, dân chúng bệnh tật*” (Trung, trích dẫn bởi Đường, 2017, tr.277).

Hay như trong *Cửu Đường thư* cũng có chép:

“*Đất ấy nhiều hơi độc chướng khí. Trên biển, cá lớn có khi nhô nửa thân mình lên mặt nước, to như trái núi. Mỗi khi tới tháng Năm, tháng Sáu, khí độc lan tràn, thì lại lấy trâu, lợn cúng lễ, nếu không thì ngũ cốc thất bát*” (Hú, trích dẫn bởi Đường, 2017, tr.280).

Điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng hạ lưu sông Mê Kông với địa hình thấp trũng, phù sa màu mỡ và mạng lưới sông ngòi dày đặc, đã tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của một hệ thống nông nghiệp thủy lợi phức tạp. Từ các công trình Baray (hồ nước nhân tạo), kênh mương và kỹ thuật canh tác theo mùa nước cho thấy sự kết hợp giữa tổ chức xã hội và tri thức sinh thái gắn liền với đất đai. Trong cấu trúc nhận thức đó, đất không chỉ đảm bảo canh tác mà còn là biểu tượng của sự sống, phúc lộc và sự kết nối giữa con người với thế giới siêu nhiên.

Năm 484, vua Phù Nam (Funan) bấy giờ là Xà Da Bạt (Rudravarman) sai nhà sư Thích Na Già Tiên thay mình dâng biểu lên vua Trung Quốc là Nam Tề Vũ Đế, trong tờ biểu có đoạn: “*Cát tường lợi thế gian; cảm động đến quần sinh. Sở dĩ rõ như vậy, Trời cảm hóa nên rành. Núi tiên gọi là Ma Đam, xanh mượt lá cây lành. Thần Ma Hê Thủ La, dựa đó giáng anh linh. Quốc thổ thầy được nhờ, nhân dân đều an ninh*” (Hiển, trích dẫn bởi Đường, 2017, tr.258)

Điều này ứng với truyền thuyết khởi nguyên của người Khmer kể rằng, thuở khai thiên lập địa, khi các vị thần từ trời xuống trần, họ bị quyến rũ bởi mùi hương từ đất. Không cưỡng lại được, họ ném thừ và thấy đất “*ngon*”. Khi tiếp tục ăn, cơ thể họ dần biến đổi, đánh mất thần tính. “*Cuối cùng các thiên thần ăn đất mà biến thành người*” (Khánh, 2008, tr.10). Trong tầm nhìn Tôn giáo học, đây không chỉ là một thần thoại, mà là biểu hiện của thế giới quan hiện sinh và vật linh, nơi đất trở thành yếu tố cấu thành bản thể con người. Đất có sức hút siêu hình, không chỉ là vật chất mà là nguyên lý sáng tạo. Truyền thuyết này ngụ ý rằng con người Khmer là kết tinh của thần tính và địa tính; đất là trung gian giữa trời và người, là nền tảng bản thể học - nơi khởi đầu của sự sống, đạo đức và ý thức cộng đồng. Ở cấp độ biểu tượng, đất được hiểu như “*địa linh*” - nơi tiếp nhận ảnh hưởng từ vũ trụ, hấp thụ phúc khí từ trời và phản ánh trạng thái đạo đức - tâm linh của cộng đồng. Niềm tin dân gian cho rằng một vùng đất màu mỡ là dấu hiệu của sự “*có phúc*”, trong khi đất khô cằn bị hiểu là “*bị nguyên rủa*” hoặc “*không hợp vía người*”. Mối quan hệ giữa con người và đất trong thế giới quan Khmer vì thế mang tính hai chiều, tương hỗ và

thiêng liêng, phản ánh một hệ hình tư duy tổng hợp giữa sinh thái học bản địa và tín ngưỡng dân gian.

Không phải ngẫu nhiên mà trong văn hóa Khmer, đất được tôn kính như một Mẹ Đất, được cầu cúng trong nghi lễ nông nghiệp, trong lễ hội cầu mưa hay đặt móng nhà mới. Tín ngưỡng Khmer không chỉ nhấn mạnh đất như không gian cư trú, mà còn là chứng nhân của lịch sử, là nơi ký gửi tổ tiên, là bản thể của chính mình.

Tư tưởng hiến đất như hành vi đại công đức cũng được phản ánh sâu sắc trong Phật giáo, điển hình qua câu chuyện Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) - một vị thương nhân giàu có và mộ đạo - đã trải vàng phủ kín toàn bộ khu vườn của Thái tử Kỳ Đà để mua lại thửa đất này, với mục đích xây dựng tịnh xá Kỳ Viên dâng lên Đức Phật và Tăng đoàn. Hay như trong câu chuyện cậu bé Jaya, tiền kiếp của vua A Dục (Ashoka), đã dâng chiếc bánh đất tượng trưng lên Phật, và nhờ lòng chí thành, được Đức Phật tiên tri về phước báo sau này cậu sẽ thành vị vua “thống trị một trong bốn lục địa”. Những câu chuyện này cho thấy hành vi hiến đất không chỉ là bố thí vật chất, mà là biểu tượng của việc tạo căn nền cho Chánh pháp bén rễ và lan tỏa trong thế gian. Một hình ảnh biểu tượng khác là câu chuyện Đức Phật sử dụng hình ảnh thửa ruộng để định hình pháp phục Cà sa, thể hiện mối liên hệ trực tiếp giữa đất (nơi gieo trồng) và pháp (nơi tu tập). Y phục của người tu được ví như “ruộng phước”, nơi gieo trồng công đức. Ở đây, đất trở thành hình ảnh của tiềm năng tu tập, nơi ươm mầm Giác ngộ.

Trong Phật giáo Nam truyền, đất không chỉ là vật chất mà là một yếu tố đại chúng, mang tính thiêng liêng đạo đức. Câu chuyện Đê Bà Đạt Đa (Devadatta) - người em họ phản bội Đức Phật - cũng minh họa rõ nét vai trò biểu tượng của đất. Sau nhiều lần mưu hại Đức Phật, phá hòa hợp Tăng, Đê Bà Đạt Đa bị xem là phạm ngũ nghịch trọng tội, ông hối hận và đến diện kiến Đức Phật để sám hối. Trên đường đến nơi Đức Phật đang ngụ, ông bị đất rút xuống địa ngục Vô Gián. Hình ảnh “đất rút Đê Bà Đạt Đa” phản ánh một quan điểm đạo đức sâu sắc: đất là “chứng nhân” của nghiệp báo, là pháp giới vận hành theo quy luật nhân quả. Trong Phật giáo, hành vi đạo đức để lại dấu vết, và đất là nơi ghi khắc và thi hành quy luật ấy.

Khi Phật giáo Theravāda truyền vào khu vực Đông Nam Á, trong đó có văn hóa Khmer, quan niệm về công đức hiến đất được tiếp thu và phát triển, là một hành vi công đức lớn (puññakamma), có khả năng chuyển hóa nghiệp và tích lũy phước báu dài lâu. Đất trở thành đối tượng tín niệm,

phương tiện thiêng, nơi chứa đựng công hạnh và ý hướng giải thoát. Trong bối cảnh ấy, việc sở hữu đất, sử dụng đất hay trao tặng đất không còn là hành vi thể tục, mà trở thành một hình thức hành đạo.

Quá trình giao lưu và hòa hợp với Phật giáo Theravāda, trong tâm thức của người Khmer đất trở thành phương tiện tạo phước. Việc dâng đất và xây dựng công trình tôn giáo trên đất tốt được xem là đại công đức, mang lại quả thiện lành. Quan hệ giữa con người - đất - Phật pháp hình thành một tam giác thiêng liêng, trong đó đất là nền tảng của Chánh pháp và là nơi tích tụ công hạnh.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng phải thừa nhận rằng các thần thoại ở cộng đồng người Khmer cũng như thần thoại của nhiều cộng đồng khác, luôn có xu hướng dung hợp và thông nhất những khái niệm đối lập trong cả hành vi nghi lễ lẫn đời sống thể tục, giá trị của những “huyền thoại được triển khai” (mythic elaborations) không nằm ở vấn đề nguồn gốc phát sinh, mà nằm ở chức năng trung gian hoá, giúp điều hòa và kết nối hai cực của một nghịch lý tôn giáo - văn hoá (Guthrie, 2004, p.150).

### 3.3. Chế độ mẫu hệ: nền tảng của tín ngưỡng thờ nữ thần trong văn hóa Khmer

*Lương thư* đã có ghi chép về nước Phù Nam như sau: “*Tục nước Phù Nam vốn ở trần, về mình xõa tóc, không chế áo váy, lấy nữ nhân làm vua, gọi là Liễu Diệp, tuổi trẻ mạnh mẽ tựa như nam nhi*” (Liên, trích dẫn bởi Đường, 2017, tr.269). Việc mô tả về Liễu Diệp (tiếng Khmer là Soma hay Neang Neak) là bằng chứng về sự tồn tại của chế độ mẫu hệ như một hình thái tổ chức xã hội nguyên thủy trong cộng đồng Khmer cổ. Chế độ mẫu hệ không chỉ là tổ chức dòng tộc theo huyết thống mẹ, mà còn phản ánh một thế giới quan thần thoại - tôn giáo, trong đó nữ thần chiếm vị trí chủ đạo trong việc kiến tạo, bảo hộ và tái sinh vũ trụ. Từ góc nhìn nghiên cứu tôn giáo, chế độ mẫu hệ này không chỉ dừng lại ở cấp độ xã hội học, mà tỏa chiếu lên toàn bộ hệ thống biểu tượng tôn giáo, đặc biệt là trong việc thần thánh hóa các yếu tố nữ tính gắn với thiên nhiên như nước, đất và phúc lành. Không dừng lại ở đó, *Lương thư* tiếp tục ghi lại quá trình chuyển dịch từ mẫu hệ sang phụ hệ:

“Phía nam nước ấy có Kiếu Quốc, có kẻ thờ quỷ thần tên là Hồn Điền. Mộng thấy được thần ban cho cây cung, đi thuyền lái buôn ra biển. Hồn Điền sáng dậy liền tới miếu thờ, được một cái cung lén dưới gốc cây thân, bèn y theo như trong mộng. Lên thuyền ra biển, vào áp ngoài của Phù Nam. Người của Liễu Diệp thấy có thuyền tới, Hồn Điền liền dương cung

bắn vào thuyền của họ. Tên xuyên qua bên mạn bắn trúng người hầu. Liễu Diệp cả sợ, đem người đến hàng Hồn Điền. Hồn Điền bèn dạy Liễu Diệp lấy tấm vải trùm từ đầu đến chân, không còn để lộ thân thể nữa. Bên coi trị nước ấy, lấy Liễu Diệp làm vợ, sinh các con chia ra làm vương bảy ấp” (Liêm, trích dẫn bởi Đường, 2017, tr.269).

Việc Liễu Diệp bị thay thế bởi nhân vật nam là Hồn Điền (tiếng Khmer là Kaundinya I hay Preah Thong) phản ánh giai đoạn chuyển hóa xã hội, nơi văn hóa Khmer bản địa tiếp xúc và hấp thu yếu tố ngoại sinh từ Ấn Độ.

Song song đó, truyền thuyết *Châu Reachkol* và *Ramsay Sok* (Huong, 1969, tr.43-58) được tiếp tục minh chứng cho ảnh hưởng sâu đậm của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Khmer xưa. Hai nhân vật nữ Ramsay Sok (chính diện) và Công chúa Mikha (phản diện) trực tiếp ra lệnh, tổ chức binh lính, điều hành chiến sự. Với Ramsay Sok, nàng là người có thần lực, dùng chiếc trâm để biến biển thành đồng bằng - một hành vi mang tính sáng thế (cosmogony). Đặc biệt, hình ảnh Ramsay Sok cùng chồng trị vì đất nước, càng thể hiện rõ vai trò chính trị, quân sự, tâm linh của người nữ trong xã hội Khmer. Còn đối với Mikha, nàng là một công chúa có địa vị hoàng tộc, lãnh đạo một đạo quân, thể hiện quyền uy và khả năng chiến đấu quyết liệt. Từ cấu trúc thần thoại này, ta thấy rõ một mô hình tôn giáo mẫu hệ: các địa danh như Phnom Bamnann (núi Cầu Nguyện), Phnom Kbal (núi Đầu Lâu), Phnom Chanh Chram (đồi Thịt Nát),... đều gắn với linh hồn hoặc thân thể của nữ thần, phản ánh tiến trình thần hóa nữ giới gắn với tự nhiên - nền tảng hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu Khmer.

Từ hai câu chuyện về *Liễu Diệp* và *Châu Reachkol - Ramsay Sok*, có thể kết luận rằng người Khmer xưa từng sống trong xã hội mẫu hệ, nơi người nữ nắm quyền quân sự, trị quốc. Chính từ cấu trúc xã hội này, niềm tin vào quyền năng linh thiêng của nữ giới dần hình thành tín ngưỡng thờ Mẫu - nét đặc trưng sâu sắc trong văn hóa Khmer Nam Bộ.

### 3.4. Hình tượng Mẹ Đất Phra Mae Thorani trong văn hóa Khmer: một tiếp cận văn hóa học về nữ tính thiêng

#### 3.4.1. Phật giáo Theravāda và tiến trình bản địa hóa hình tượng Mẹ Đất Phra Mae Thorani trong văn hóa Khmer

Người Khmer là một trong những tộc người bản địa lâu đời ở vùng hạ lưu sông Mê Kông. Họ sở hữu một thế giới quan mang đậm dấu ấn của cả tín ngưỡng nguyên thủy và các yếu tố tôn giáo du nhập.

Theo nghiên cứu, người Khmer vốn ban đầu theo tín ngưỡng Śaiva từ Ấn Độ, họ phụng thờ các vị thần trong Veda, với hệ thống nghi lễ và đẳng cấp xã hội chặt chẽ:

Campuchia, cũng như các nước trong khu vực Đông Nam Á, đã tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa đáng kể từ Ấn Độ và nhờ đó tạo ra sự dung hợp giữa tín ngưỡng Śaiva và Phật giáo từ những năm đầu. Cộng đồng Phật giáo Đại thừa cũng đã có chỗ đứng từ thế kỷ II và đến thế kỷ V đã được các vị vua theo tín ngưỡng Śaiva rất tín mộ. Sau thời kỳ bị đàn áp ở thế kỷ VII, những vị vua kế thừa theo tín ngưỡng Vaisna và Śaiva đã tự coi mình là Bồ-tát và thành tâm ủng hộ cho cộng đồng Phật giáo. Rất nhiều tài sản đã được quyên cúng để xây dựng đền chùa, bao gồm cả Angkor Wat nổi tiếng (Skilton, 2025, p.189).

Tuy nhiên, tiến trình tiếp nhận này không diễn ra theo hướng lẫn át các tín ngưỡng bản địa, mà thể hiện một quá trình “Phật giáo hóa” mang tính dung hợp và uyển chuyển, trong đó các yếu tố Phật giáo được bản địa hóa, đồng thời các thực hành tín ngưỡng dân gian cũng được thấm nhuần tinh thần Phật giáo. Phật giáo không chỉ là trung tâm tôn giáo, mà còn là trung tâm văn hóa - xã hội của người Khmer. Sư sãi không chỉ là người truyền đạo, mà còn là giới trí thức, người giữ gìn văn hóa và thậm chí là người bảo vệ bản sắc dân tộc trước các biến động lịch sử. Trong không gian ấy, các biểu tượng tôn giáo như Phra Mae Thorani không chỉ hiện diện với tư cách thần thoại mà còn là trực biểu tượng kết nối giữa Phật giáo, tín ngưỡng dân gian và bản sắc Khmer.

#### 3.4.2. Phra Mae Thorani: Tên gọi, nguồn gốc và sự chuyển hóa văn hóa

Phra Mae Thorani (tiếng Pāli: Dhāraṇī; tiếng Phạn: Vasundharā) là vị nữ thần Đất của các dân tộc theo Phật giáo Theravāda như ở Campuchia, Myanmar, Sipsong Panna (thuộc Vân Nam - Trung Quốc), Thái Lan và Lào. Bà được tôn thờ như một vị nữ thần bảo hộ cho nông nghiệp, mang đến sự giàu có, đất đai màu mỡ, phù trợ người dân có được mùa màng bội thu. Ở mỗi quốc gia, danh xưng của Bà có sự khác nhau, như Wathondare (Miến Điện), Mae Thoranee (Lào) hay Mae Thorani (Thái Lan). Trong tiếng Khmer, bà được gọi bằng tước hiệu Neang Konghing hoặc là Preah Thorani hay Preah Mae Thorani. Tên gọi này được sử dụng xuyên suốt trong truyện kể, nghi lễ chùa và truyền khẩu, đặc biệt qua sách ghi bằng lá thốt nốt hay lá bời, lưu trữ ở các chùa - nơi sư sãi tiếp nhận, giảng giải và lưu truyền cho dân chúng. Ngoài ra, tên gọi này còn xuất

hiện trong các bi ký chữ Khmer cổ tìm thấy tại đền Bayon (văn bia số K.293 - 40).

Nguyên mẫu của nữ thần Đất Phra Mae Thorani là Prithvi (Bà Lợi Đề Bi) của tôn giáo Vệ Đà cổ. Trong truyền thống Vệ Đà, Prithvi được xem là một trong những vị thần sáng thế, đồng thời là tổ mẫu của nhiều chư thần khác. Nhằm bày tỏ lòng tôn kính đối với nữ thần tối cao, đồng thời cầu mong cho đất đai màu mỡ và mùa màng bội thu, người dân thường dâng lễ cúng Bà vào lúc rạng sáng, trước khi bắt đầu mùa vụ như cấy cày hay gieo hạt. Mỗi quan hệ thiêng liêng giữa Prithvi và Dyaus (Cha Trời) được ví như cặp đôi vũ trụ nguyên thủy - mô hình hóa cấu trúc lưỡng nguyên Trời - Đất trong vũ trụ quan Vệ Đà. Tuy nhiên, từ Atharvaveda trở về sau, Bà dần được hình dung như một thực thể tôn giáo độc lập, không còn phụ thuộc vào hình ảnh nam thần song hành. Khi tôn giáo Vệ Đà cổ phát triển thành đạo Hindu, Prithvi bị giảm vai trò, được chuyển hóa và kế thừa bởi Bhuma Devi - biểu trưng cho sự sinh sản, là một trong hai người vợ của thần Vishnu. Vốn được thờ phụng tại các đền thờ Hindu giáo, Prithvi về sau được du nhập vào hệ thống tín ngưỡng Phật giáo, trở thành Địa Thần, nơi Bà giữ vai trò là một trong những vị chư thiên hộ pháp (Dharmapala) của Đức Phật. Từ đây, Bà trở thành nữ thần đầu tiên trong vũ trụ quan Phật giáo, mở ra một truyền thống lâu dài về nữ chư thiên gắn liền với sự cứu độ và chân lý. Kết quả của nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hình tượng Prithvi khi du nhập vào cộng đồng người Khmer đã dung hợp và đồng nhất với nữ thần Đất bản địa của họ - Neang Konghing.

Người Khmer có lưu truyền câu chuyện được ghi nhận trong các công trình nghiên cứu về thần thoại và truyện dân gian Khmer rằng: thuở khai thiên lập địa, toàn bộ thế giới chỉ là đại dương mênh mông. Khi ấy, Nữ thần Phra Mae Thorani cưỡi trên lưng cá sấu khổng lồ (cá sấu trong tiếng Khmer phiên âm là Kraper hay Krapeu) - biểu tượng của lực lượng nước nguyên sơ - trôi lên từ đáy biển. Bà lấy mái tóc vung ra, làm hiện lên mặt đất để muôn loài cư ngụ (Guthrie, 2004, p.136). Từ đó, người Khmer quan niệm Phra Mae Thorani là đất (nguyên lý nữ), còn cá sấu là nước (nguyên lý nam). Cặp đôi này biểu hiện một lưỡng hợp vũ trụ, một dạng cấu trúc đối xứng giữa hai yếu tố bản thể học không thể tách rời trong thế giới quan Khmer.

Cá sấu trong quan niệm của người Khmer cổ là sinh vật đại diện cho “nguyên lý nam” của vũ trụ, là công cụ thực thi công lý, phân biệt người ngay kẻ ác. *Luang thur* có chép về luật pháp của người Khmer xưa như sau:

“Phép nước (Phù Nam) không có tù ngục. Kẻ nào có tội, trước tiên cho trai giới ba ngày, rồi nung đồ lưỡi búa, bắt cầm đi bảy bước... Lại ở hào đào thành cho nuôi cá sấu, ngoài cửa nhốt mãnh thú, kẻ nào có tội thì đem cho mãnh thú hay cá sấu ăn, nếu cá sấu, mãnh thú không ăn thì là vô tội, ba ngày sẽ thả ra” (Liêm, trích dẫn bởi Đường, 2017, p.270).

Bên cạnh đó, cá sấu trong quan niệm người Khmer xưa còn là “sứ giả” dẫn đường cho linh hồn người đã khuất đến với Lục đạo luân hồi, chuẩn bị cho một kiếp sống khác. Trong tang lễ của người Khmer, thân nhân của người đã khuất treo lá cờ phướn với hình dạng giống với loài cá sấu, treo ở trước nhà, gọi là Tung aphithoam hoặc Tung krapeu. Tuy nhiên, trong quá trình Phật giáo hóa bản địa, biểu tượng cá sấu dần trở thành biểu tượng tiêu cực, gắn liền với sự phẫn nộ và vong ân. Nhiều học giả phân tích rằng sau khi Ấn Độ giáo và đặc biệt là Phật giáo trở thành quốc giáo, hình tượng Phra Mae Thorani được tôn thờ độc lập như một nữ thần bảo hộ chân lý và đạo hạnh, còn cá sấu bị đẩy ra ngoài hệ thống biểu tượng chính thống, thậm chí trở thành biểu tượng của cái ác. Vì vậy, trong tiếng Khmer hiện đại, từ “akrapeu” (cá sấu) mang nghĩa xúc phạm, chỉ những người vô ơn, phản bội.

Tại các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Mahāyāna như Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên,... thì Địa Thần mang hình tướng nam, với cái tên là Kiên Lao Địa Thần. Theo kinh điển *Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện*, phẩm thứ 11, Kiên Lao Địa Thần là vị thần bảo trợ cho toàn bộ đất đai trong cõi Diêm Phù Đề, từ cỏ cây, cát đá, khoáng sản,... (Đặng, 2024). Ông là người đã chứng kiến và đánh lễ vô lượng các vị đại Bồ Tát từng thị hiện trên thế gian, vì ngưỡng mộ trước đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát mà phát nguyện rằng sẽ dùng thần lực hộ vệ Phật tử khỏi mọi tai họa nếu trì tụng và cúng dường ngài Địa Tạng.

Còn theo tích truyện của Phật giáo Theravāda, nữ thần Đất Phra Mae Thorani giữ vai trò trọng yếu trong khoảnh khắc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đạt tới Giác ngộ dưới cội bồ đề. Trong kinh *Jātakatthavaṇṇanā*, phần *Nidānakathā* có chép:

[Đức Phật, đáp lại sự thách thức của Ma vương, đã nói với đất:]

“...Tại nơi đây, ta không có một nhân chứng sống nào. Nhưng ngoài những bô thí ở các kiếp khác, xin để cho đại địa hùng tráng và kiên cố này, dù vô tri, làm chứng cho bảy trăm lần đại bô thí mà ta đã thực hành khi sinh ra làm Tu Đại Noa”.

Nói rồi, Ngài đưa bàn tay phải ra khỏi y, duỗi xuống mặt đất và hỏi: “Người có hay không phải là chúng nhân cho bảy trăm lần đại Bồ thí ta đã thực hiện trong kiếp Tu Đại Noa (Vessantara)?”.

Và đại địa cất tiếng vang dội: “Ta là chúng nhân cho Ngài về điều ấy!” Âm thanh này át chế toàn bộ đạo binh của Ác ma, tựa như tiếng gầm của hàng trăm ngàn quân thù... (Buddhaghosa, trích dẫn bởi Guthrie, 2004, p.65-66).

Còn trong các câu chuyện của người Khmer, hình ảnh Phra Mae Thorani được phác họa một cách rõ nét hơn:

“Bồ Tát an tọa trên tòa kim cang (vajrāsana) của mình dưới cội bồ đề, nhập định sâu trong thiền quán. Ma vương Ba Tuần (Māra), hiện thân của cái ác, vì đồ kỵ nên tìm mọi cách ngăn chặn Ngài đạt đến Giác ngộ. Hắn kéo theo đạo binh hùng mạnh gồm các chiến binh, thú dữ và cả những người con gái của mình, quyết tâm đánh bật Bồ Tát khỏi tòa kim cang. Tất cả chur thiên đều kinh hãi và bỏ chạy, để mặc Bồ Tát một mình đối diện thử thách của Ma vương. Khi ấy, Bồ Tát đưa tay phải xuống làm thủ ấn xúc địa (bhūmisparśa mudrā), triệu thỉnh Địa thần làm nhân chứng. Trong hình tướng một thiếu nữ tuyệt mỹ, bà hiện thân từ dưới tòa kim cang, xác nhận quyền chính đáng của Bồ Tát trong việc an tọa nơi tòa kim cang. Bà vắt mái tóc dài óng mượt của mình; từ mái tóc ấy, những dòng nước cuộn cuộn - được hình thành từ vô số lễ rưới nước cúng dường mà Đức Phật đã nhận trong muôn kiếp - hóa thành một cơn hồng thủy. Dòng nước ấy cuộn trôi Ma vương cùng toàn bộ đạo binh của hắn, giúp cho Bồ Tát tiếp tục con đường thành tựu Giác ngộ” (Prang, 1996, trích dẫn bởi Guthrie, 2004, p. 1).

Tại các ngôi chùa Nam Tông Khmer ở vùng Tây Nam Bộ như Trà Vinh, Sóc Trăng và An Giang, hình tượng phổ biến của Phra Mae Thorani là một người phụ nữ trẻ, dáng vẻ đoan trang, mặc trang phục truyền thống của người Khmer, gương mặt hiền từ, ánh mắt hướng xuống, thường được thể hiện dưới dạng phù điêu, tượng hoặc tranh tường trong khuôn viên chính điện, phía sau bàn thờ Tam bảo, dọc các hành lang thấp thờ hoặc ngự trên các tháp dựng cốt. Đặc điểm nổi bật nhất là tư thế đứng hoặc quỳ, vắt nước từ mái tóc dài, bên cạnh là một con cá sấu đang phủ phục.

### 3.4.3. Vai trò và ý nghĩa biểu tượng Phra Mae Thorani trong tín ngưỡng của người Khmer

Trong truyền thống văn hóa Khmer, Phra Mae Thorani không chỉ xuất hiện như một nhân vật thần

thoại gắn với tích truyện Phật giáo, mà còn hiện diện như một Địa Mẫu, biểu trưng cho Mẹ Đất linh thiêng. Hình ảnh này gắn bó mật thiết với thể giới quan bản địa, nơi vạn vật đều mang linh hồn, phản ánh sự hòa quyện độc đáo giữa Phật giáo, Ấn Độ giáo và tín ngưỡng dân gian.

Xuất phát từ điển tích đã kể trên, người Khmer hình thành niềm tin rằng nữ thần Phra Mae Thorani là hiện thân của Đất thiêng - một nguyên lý vũ trụ bảo vệ chân lý, đồng thời là Mẹ thiêng bảo bọc sự sống. Mỗi khi xảy ra thiên tai như chiến tranh, sấm sét, lũ lụt, người Khmer, nhất là nông dân và binh lính thường lấy đất sét đỏ, đất ở gốc cây cổ thụ hoặc đá nhọn bôi lên trán, lên ngực, như cách triệu thỉnh Phra Mae Thorani để được ẩn thân khỏi tầm nhìn của kẻ thù.

Hành động vắt dòng nước công đức từ mái tóc của Phra Mae Thorani không chỉ biểu thị sự hộ trì Phật pháp, mà còn gọi đến “nước ối”, đến mạch sinh thủy của đất - vừa thanh lọc, vừa sản sinh. Dòng nước ấy không phá hủy mà làm trỗi dậy công đức, đẩy lùi tà ác và minh chứng cho Giác ngộ - một dạng “sinh sản tâm linh” siêu vượt nhưng vẫn dựa trên cấu trúc Mẹ Đất. Hành động này cũng là sự xác chứng cho đạo hạnh, cho công đức đã tích lũy qua vô lượng kiếp, đồng thời khẳng định tính chính đáng, đạo đức và chân lý của Đức Phật đạt đến Giác ngộ viên mãn (sammā-sambodhi). Dòng nước đang tuôn chảy mạnh xuống mặt đất, biểu trưng cho hành động “rửa sạch” đạo binh của Ma Vương, bảo vệ Đức Phật trong khoảnh khắc Giác ngộ dưới cội bồ đề.

Từ đây, biểu tượng học cổ truyền kiến tạo mối liên hệ đồng đẳng giữa phụ nữ và đất như những nguyên lý sản sinh, không chỉ về sinh học mà còn về mặt tâm linh và vũ trụ học và biểu tượng Phra Mae Thorani là hiện thân của khả năng sinh sản thiêng liêng này. Phra Mae Thorani không cần “Trời” để sản sinh, càng không sinh ra con người, mà nuôi dưỡng sự giải thoát tâm linh. Đây là sự vượt thoát khỏi cấu trúc lưỡng nguyên giới tính trong Terra Mater của Eliade - nơi đất vẫn gắn với mẫu tính theo cặp đối lập. Với Phra Mae Thorani, đất trở thành một bản thể văn hóa độc lập: mang tính nữ nhưng không phụ thuộc vào tính nam, giàu năng lực tạo tác. Trong vũ trụ quan Phật giáo, nơi không có khởi đầu tuyệt đối, bà là biểu tượng của lưu giữ và chứng ngộ - vừa tiếp nối truyền thống Ấn Độ, vừa chuyên hóa để phù hợp với đạo lý về nghiệp, công đức và giải thoát.

Phra Mae Thorani là hình tượng xuất hiện rất phổ biến trong nghệ thuật và kiến trúc tôn giáo

Khmer như tranh vẽ, phù điêu và tượng. Hình ảnh Phra Mae Thorani thông qua truyền khẩu của cộng đồng Phật tử Khmer hiện lên “vắt nước trong tóc để cuốn trôi mọi cảm dỗ, giải cứu Đức Phật, giúp Ngài thành đạo”. Nhiều nghi lễ rưới nước trong chùa, tưởng niệm công đức khi được thực hiện đều gọi tên Nữ thần Đất chứng giám. Phra Mae Thorani cũng là một biểu tượng sâu sắc trong kiến trúc chùa Khmer, là biểu tượng của sự thanh lọc, bảo vệ và chứng giám công đức, thường xuất hiện trong tranh tường, phù điêu, tượng giữa khuôn viên chùa. Hình ảnh người phụ nữ vắt nước từ tóc thường được đặt cùng hình tượng Phật trong tư thế “Xúc địa” (bhūmiśparśa mudrā - chạm đất), nhấn mạnh thông điệp chiến thắng tà ma, xác lập công đức thể hiện ý nghĩa bảo hộ, chứng giám và nước của lòng từ bi. Ngoài ra, trong khuôn viên chùa Xà Tôn (An Giang), ta có thể bắt gặp tôn tượng Phra Mae Thorani đang ngự trên phù đồ (tháp chứa xá lợi của các sư cầ), cho thấy vai trò hộ pháp của nữ thần này, không chỉ che chở cho tín đồ Phật tử đang hiện diện nơi Ta Bà mà còn bảo vệ linh hồn họ, bảo vệ tro cốt - di sản cuối cùng họ trên thế gian. Không dừng lại ở việc hiện diện trên những di sản “vật chất”, hình tượng Phra Mae Thorani còn xuất hiện trong trường ca Riem kê. Đây là tác phẩm của người Khmer, lấy cảm hứng từ sử thi Rāmāyaṇa của Ấn Độ. Trong tác phẩm này, Phra Mae Thorani tuy đóng vai trò là một nhân vật phụ nhưng lại không hề mờ nhạt, là người mẹ sinh ra nàng Neang Seda (Sītā) (Thương, 2016), đồng thời giữ vai trò trong việc “bảo hộ” nàng Neang Seda khỏi Quý vương Krong Reap (Rāvana) trong lúc Phra Leak (Lakṣmaṇa) đi vắng (Guthrie, 2004). Phra Mae Thorani xuất hiện phổ biến trong tranh vẽ, phù điêu, phù đồ ở chùa Khmer, hay thậm chí là xuất hiện trong nghệ thuật múa, minh chứng cho sự giao thoa giữa giá trị bản địa và Phật giáo.

Trong việc thực hành tang lễ của người Khmer cũng đã cho thấy một sự chuyển đổi biểu tượng sâu sắc: thay vì “trở về với đất” theo nghĩa vật chất, họ chọn hỏa thiêu như một cách giải thoát thân xác khỏi sự bám víu của sinh tồn, qua đó cho phép tái sinh vào kiếp sau. Sau nghi thức thiêu, tro cốt không được chôn xuống Đất như trong truyền thống các cộng đồng Á - Âu khác, mà thường được thu vào bình, được giữ trong bảo tháp nhỏ tại nhà hoặc được đưa về chùa để cất giữ trong bảo tháp thờ cốt (Dũng & Hùng, 2014). Sự thay đổi này làm xuất hiện một khái niệm mới: Đất không còn là nơi tan rã vật chất mà trở thành nền tảng cho hành trình tâm linh. Việc an vị tro cốt là một cử chỉ tôn giáo, phần còn lại của người quá cố được đặt vào không gian linh thiêng gần chánh pháp, giúp hộ trì cho sự tái sinh thuận lợi.

Đất từ đó được tái định nghĩa như một bản thể đạo đức - nơi “làm chứng” công đức và nghiệp lực. Điều này phản ánh sâu sắc qua biểu tượng Phra Mae Thorani, vị nữ thần gọi nước chứng minh công hạnh của Đức Phật và đày Đê Bà Đạt Đa xuống địa ngục Vô Gián. Đất trong thế giới quan Khmer không còn là “nhà mồ” mà là ký ức thiêng, nơi khắc ghi hành nghiệp, chuyển hóa Đất thành không gian luân lý và siêu việt.

Dù có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc với hệ hình Terra Mater mà Mircea Eliade thiết lập như tính nữ, khả năng sinh sản và vai trò như một nguyên lý vũ trụ thiêng,... biểu tượng Phra Mae Thorani vẫn sở hữu những đặc điểm bản địa độc đáo, mà lý thuyết của Eliade không bao hàm được một cách trọn vẹn.

Điểm khác biệt đầu tiên nằm ở vai trò hành động của Mẹ Đất trong đời sống tâm linh Phật giáo. Trong lý thuyết Terra Mater của Eliade, đất là một lực lượng siêu nhiên có quyền lực vũ trụ, trừng phạt cả một cộng đồng bằng cách giáng tai ương, bất kể là cá nhân hay cộng đồng, tội lỗi hay vô tội - vì trọng tâm là tính linh thiêng tổng thể bị xúc phạm. Ngược lại, Phra Mae Thorani không hành xử theo cảm tính hay quyền uy tập thể, mà phản ánh logic nghiệp báo của Phật giáo. Bà không “trừng phạt” hay “ban thưởng” theo cảm tính mà minh định hậu quả của hành động theo công - tội cá nhân. Việc Đê Bà Đạt Đa bị đất rút do ác nghiệp tích tụ. Sự bảo chứng của Phra Mae Thorani cho công đức của Phật Thích Ca cũng không mang tính thiên vị, mà là một hành động khách quan xác nhận đạo hạnh. Đây là biểu hiện rõ nét của tư tưởng lý tính và đạo đức cá nhân trong thế giới quan Phật giáo, đối lập với tính thiêng cảm tính trong mô hình Terra Mater.

Thứ hai, Phra Mae Thorani không chỉ là biểu tượng bản thể học mà còn là nhân vật thần học. Trong các mô hình tôn giáo sơ khai, Terra Mater thường bị giới hạn trong phạm vi “nhiên thần”, gắn liền với nông nghiệp, chu kỳ mùa màng và huyền thoại sinh thành - những yếu tố thiên về tín ngưỡng nông nghiệp. Trong khi đó, Phra Mae Thorani được tích hợp sâu vào hệ thống giáo lý Phật giáo, trở thành một nhân vật siêu hình có vai trò trong cỗ máy vận hành nghiệp lực và giải thoát. Nói cách khác, Phra Mae Thorani không chỉ thuộc về thế giới này mà còn gắn bó mật thiết với tiến trình Giác ngộ và giải thoát khỏi luân hồi, điều mà biểu tượng Terra Mater không bao hàm. Việc bà chứng minh công đức bằng dòng nước chính là hành vi xác lập chân lý đạo đức trong một bối cảnh vũ trụ luận của Phật

giáo, vượt xa ý niệm Mẹ Đất như một nguyên lý tự nhiên.

Thứ ba, trong lý thuyết của Eliade, Terra Mater gắn với chu trình sinh - tử - tái sinh như một vòng tròn khép kín của vũ trụ nông nghiệp. Đất là nơi con người được sinh ra và trở về khi chết, biểu tượng cho sự lặp lại và tính vĩnh hằng của tự nhiên. Tuy nhiên, trong tín ngưỡng Khmer và truyền thống Phật giáo Nam truyền, nơi hóa thiêu là hình thức xử lý thi thể chính yếu, đất không còn là nơi chôn cất vật lý mà chuyển thành không gian thiêng thờ tro cốt - thông qua bảo tháp tại chùa hoặc tại gia. Như vậy, thay vì là điểm khởi đầu và kết thúc chu kỳ thân xác, đất trở thành nơi lưu giữ ký ức thiêng, chuyển hóa từ biểu tượng vòng tròn tự nhiên sang một dạng không gian tâm linh của siêu việt, nơi cái chết không khép lại mà mở ra chiều kích giải thoát (Guthrie, 2004).

Thứ tư, trong Phật giáo Theravāda không có vị “Trời” nào đóng vai trò kiến tạo hay phối ngẫu với Đất. Chính trong khoảng trống đó, biểu tượng học bản địa đã đưa vào một yếu tố thay thế - con cá sấu - như một dạng “đương tính” đi cùng Mẹ Đất Phra Mae Thorani, tạo nên một bản thể văn hóa rất đặc thù của vùng đất Đông Nam Á. Ban đầu, trong truyền thống dân gian của người Khmer, con cá sấu xuất hiện như vật cưỡi của Phra Mae Thorani. Nó đại diện cho quyền năng tự nhiên, khả năng bảo vệ, thậm chí là tính liên kết giữa Mẹ Đất với các yếu tố nước - đất - sinh khí. Có thể nói, cá sấu thay thế cho hình ảnh “Cha Trời” (Dyaus) trong chức năng bổ sung - hỗ trợ - đối trọng giới tính, tạo thành một mô hình biểu tượng kép “Mẹ Đất - linh vật nam” mang tính bản địa. Trong hệ quy chiếu này, Phra Mae Thorani giữ nguyên biểu tượng nữ - âm - sinh sản, còn cá sấu, dù không có tính thần linh như Dyaus nhưng lại trở thành hình ảnh trấn giữ - bảo hộ - cường lực, tạo nên một sự cân bằng âm dương trong thế giới quan Phật giáo được bản địa hóa. Tuy nhiên, theo dòng thời gian, vai trò của cá sấu dần biến đổi. Cá sấu không còn là linh thú hộ vệ, mà dần bị gán cho các đặc tính xấu xa, đe dọa, thậm chí tà ác. Sự thay đổi này có thể được lý giải từ quá trình thiết lập lại hệ thống đạo đức Phật giáo, trong đó cá sấu - vốn đại diện cho bản năng hoang dã, bị đưa về phía đối nghịch với sự thuần khiết của Mẹ Đất. Nói cách khác, khi Phra Mae Thorani được đề cao như biểu tượng đạo đức, thanh tịnh và giải thoát, thì cá sấu - đại diện của tự nhiên hoang dã, bản năng, dục tính bị giáng cấp thành hình ảnh cần được kiểm soát hoặc cảm hóa. Sự chuyển biến này phản ánh rất rõ một cơ chế cấu trúc lại biểu tượng học khi Phật giáo truyền thống tiếp xúc với tín ngưỡng dân gian. Thay vì giữ

lại mô hình lưỡng hợp như các thần thoại sáng thế, Phật giáo Theravāda bản địa hóa đã chuyển trọng tâm về phía nữ thần, trao cho Phra Mae Thorani năng lực chủ đạo, độc lập, đẩy yếu tố dương của biểu tượng cá sấu ra rìa, từ hỗ trợ đến đối nghịch. Đây chính là điểm khác biệt then chốt giữa mô hình Terra Mater của Mircea Eliade với biểu tượng Phra Mae Thorani - cá sấu trong văn hóa Khmer. Thay vì một mô hình phối ngẫu vũ trụ, ở đây là một tiến trình nữ quyền hóa tôn giáo, trong đó nữ thần không cần đến một đối tác sinh sản, mà tự thân là cội nguồn đạo đức, sinh khí và sự thanh lọc. Do đó, con cá sấu trong trường hợp này vừa là tàn dư của một cặp cấu trúc lưỡng hợp cổ xưa, vừa là một biểu tượng bị cảm hóa trong tiến trình Phật giáo hóa tín ngưỡng dân gian.

Cuối cùng, yếu tố đặc biệt nhất nơi Phra Mae Thorani chính là vai trò ghi nhận và minh chứng công đức - điều hoàn toàn vắng bóng trong khung lý thuyết Terra Mater. Trong Phật giáo Theravāda, người hành trì tích lũy công đức qua các hành vi thiện lành và Phra Mae Thorani chính là hiện thân của “đại địa”, là nơi lưu giữ tất cả những gì con người đã gieo trồng về mặt nghiệp lực. Bà không chỉ là Mẹ Đất nuôi dưỡng sự sống, mà còn là ký ức của vũ trụ đạo đức, minh định rõ thiện - ác bằng dòng nước công đức. Như vậy, Phra Mae Thorani chính là sự nâng cấp biểu tượng Đất từ vật chất tự nhiên sang bản thể luân lý, nơi Đất không chỉ sinh dưỡng mà còn phân xử, làm trung gian giữa người hành giả và sự thật tối hậu.

Chính những khác biệt này đã khiến biểu tượng Phra Mae Thorani trở thành một mẫu hình riêng biệt, vừa kế thừa chiều sâu biểu tượng học của Terra Mater, vừa vượt qua giới hạn tự nhiên thần để định hình nên một bản thể văn hóa tôn giáo đặc hữu, gắn liền với Phật giáo Theravāda và thế giới quan của người Khmer. Trong một thế giới nơi đất không chỉ là nơi trú ngụ của sự sống, mà còn là nơi ghi khắc công đức, chuyển hóa bạo lực và khơi mở giải thoát. Phra Mae Thorani thực sự là biểu tượng Mẹ Đất thiêng liêng với tính chất thần học, đạo đức và tâm linh sâu xa hơn nhiều so với hình mẫu phổ quát mà Mircea Eliade từng phác họa.

Dù đã trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, Phra Mae Thorani vẫn giữ vai trò trung tâm trong hệ thống tín ngưỡng và thế giới quan của người Khmer. Việc người Khmer Nam Bộ luôn tưởng nhớ, thờ phụng và cầu khẩn Phra Mae Thorani - Đấng đã tạo nên mặt đất để họ an cư - là minh chứng cho sự liên tục văn hóa và tính bền vững của truyền thống Địa

thần bản địa giữa lòng lịch sử tôn giáo Đông Nam Á.

#### 4. KẾT LUẬN

Hình tượng Phra Mae Thorani trong tín ngưỡng của người Khmer không chỉ là một biểu trưng tôn giáo mà còn là một kết tinh văn hóa đa tầng, kết nối Phật giáo Nguyên thủy, tín ngưỡng bản địa và các lớp trầm tích thần thoại Ấn Độ cổ đại. Dưới lăng kính lý thuyết Terra Mater của Mircea Eliade, hình ảnh này càng cho thấy chiều sâu biểu tượng học: Đất không chỉ là thực thể thiêng mà còn là nơi khởi nguyên, nơi trở về và là biểu trưng cho sức mạnh sinh sản, chịu đựng, tái tạo. Những luận điểm cốt lõi của Eliade, như sự tương đồng cấu trúc giữa phụ nữ và đất, vòng luân hồi sự sống - cái chết gắn với đất và vai trò của đất trong nghi lễ sinh nở, trùng phạp - đều phản ánh rõ nét trong hình tượng Phra Mae Thorani.

Trong bài báo này, hai câu hỏi trọng tâm đã được tập trung giải quyết: Thứ nhất, Phra Mae Thorani giữ vai trò quan trọng trong tín ngưỡng người Khmer vì hình tượng này kết hợp được hai tầng ý nghĩa: là hiện thân của đất - nền tảng thiêng liêng trong văn hóa bản địa, đồng thời là biểu tượng xác lập công đức trong Phật giáo Theravāda. Trong thế giới quan Khmer, đất không chỉ là nguồn sống vật chất mà còn là bản thể linh thiêng, gắn với ký ức của chế độ mẫu hệ và tín ngưỡng thờ nữ thần. Thứ hai,

quá trình bản địa hóa Phra Mae Thorani cho thấy sự tiếp biến văn hóa sinh động, khi người Khmer chuyển hóa hình tượng này qua tên gọi, truyền thuyết và chức năng, để phù hợp với bối cảnh tín ngưỡng dân gian. Hình tượng Mẹ Đất không chỉ hiện diện trong kinh điển Phật giáo, mà còn thâm nhập vào đời sống tâm linh bản địa như một nữ thần bảo trợ cộng đồng, có vai trò thiêng liêng trong lễ hội và không gian chùa chiền Khmer.

Từ góc nhìn văn hóa học, Phra Mae Thorani là biểu tượng giao thoa giữa tôn giáo và tín ngưỡng, giữa lý tưởng Phật giáo và cấu trúc văn hóa bản địa. Điều này cho thấy khả năng thích ứng và tái định nghĩa các hình tượng tôn giáo trong môi trường văn hóa Đông Nam Á, đồng thời khẳng định giá trị đặc thù của biểu tượng Mẹ Đất trong thế giới tinh thần của người Khmer.

#### LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến sư Chau Lok chùa Xà Tôn (An Giang), Huỳnh Dương Lộc, Hồ Ngọc Mẫn và Nguyễn Ngọc Anh Thư đã hỗ trợ hết mình trong việc cung cấp thông tin quý giá, giúp tôi hoàn thiện bài viết này. Tôi cũng xin gửi lời tri ân đến Nguyễn Thị Xuyên và Nguyễn Thị Kiều Vân - hai người bạn đồng hành trong những chuyến đi phỏng vấn, là người phụ trách công tác phiên dịch để tôi có thể dễ dàng tiếp cận cộng đồng người Khmer.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dũng, T. N., & Hùng, V. T. (2014). Lễ tang của người Khmer theo Phật giáo Nam tông ở Sóc Trăng hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 3(129), 2014, 73-82.

Đặng, P. (2024). *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên* (dịch bởi Thích Trí Tịnh). Nhà xuất bản Tôn giáo. Hà Nội.

Đường, C. H. (2017). *An Nam Truyện: Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Hà Nội.

Eliade, M. (1957). *The Sacred and the Profane*. Harcourt Brace Jovanovich. New York.

Guthrie, E. (2004). *A Study of the History and Cult of the Buddhist Earth Deity in Mainland*

*Southeast Asia*, (doctoral thesis). University of Canterbury.

Hương, L. (1969). *Truyện cổ Cao Miên 1*. Nhà xuất bản Khai Trí. Thành phố Hồ Chí Minh.

Khánh, P. T. (2008). *Truyện thần thoại Khmer Nam Bộ*. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 3(1), 3-15.

Skilton, A. (2025). *Lịch sử Phật giáo: Hành trình từ cội nguồn Ấn Độ đến các vùng đất châu Á* (dịch bởi Thích Thiện Chánh). Nhà xuất bản Thế Giới. Thành phố Hồ Chí Minh.

Thương, T. M. (2016). *Văn hóa dân gian phi vật thể của người Khor me ở Sóc Trăng*. Nhà xuất bản Mỹ thuật. Hà Nội.